

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH NINH THUẬN**

Số: 09/2022/NQ-HĐND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Ninh Thuận, ngày 22 tháng 7 năm 2022*

**NGHỊ QUYẾT**

**Quy định nội dung, mức chi để tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi  
trong lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN  
KHÓA XI KỲ HỌP THỨ 7**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và  
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;  
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm  
2015;  
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy  
phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;  
Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;  
Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;  
Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của  
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;  
Căn cứ Thông tư số 69/2021/TT-BTC ngày 11 tháng 8 năm 2021 của Bộ  
trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí chuẩn bị, tổ chức và tham dự  
các kỳ thi áp dụng đối với giáo dục phổ thông;  
Xét Tờ trình số 92/TTr-UBND ngày 17 tháng 5 năm 2022, Tờ trình số  
101/TTr-UBND ngày 09 tháng 6 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội  
đồng nhân dân tỉnh Quy định nội dung, mức chi để tổ chức các kỳ thi, cuộc thi,  
hội thi trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận; Báo cáo  
thẩm tra của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của  
đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Phạm vi điều chỉnh: Nghị quyết này quy định mức tiền công cụ thể cho từng chức danh là thành viên thực hiện các nhiệm vụ thi và nội dung, mức chi để tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.

2. Đối tượng áp dụng: Các tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động được quy định tại khoản 1 Điều này.

## **Điều 2. Nội dung, mức chi**

1. Chi tổ chức các cuộc họp, hội nghị, hội thảo; chi đi công tác để thanh tra, kiểm tra trước, trong và sau khi thi; chi tiền ở, đi lại trong nước của những người tham gia công tác tổ chức thi và chấm thi. Chi tiền ăn, tiền giải khát giữa giờ cho Hội đồng/Ban ra đề thi, Hội đồng/Ban in sao đề thi, những người làm phách tập trung trong những ngày làm việc tập trung cách ly đối với các kỳ thi quy định tại khoản 1 Điều 1 Nghị quyết này: Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 49/2017/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định một số chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị trên địa bàn tỉnh.

Trường hợp, thành viên các đoàn thanh tra là thanh tra chuyên ngành thì được hưởng chế độ bồi dưỡng quy định tại Quyết định số 12/2014/QĐ-TTg ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ, Quy định chế độ bồi dưỡng đối với công chức làm công tác thanh tra chuyên ngành.

2. Chi tiền công cho các chức danh là thành viên thực hiện các nhiệm vụ thi và nội dung, mức chi các hoạt động tại khoản 1 Điều 1 Nghị quyết này (do cấp trung ương, cấp tỉnh tổ chức) (*đính kèm Phụ lục I và Phụ lục II*).

Riêng các kỳ thi học sinh giỏi và các kỳ thi, hội thi, cuộc thi khác của cấp huyện và các cơ sở giáo dục cấp tỉnh: Mức chi tối đa không quá 80% mức chi đối với cấp tỉnh; cấp trường thuộc cấp huyện có mức chi tối đa không quá 80% của cấp huyện.

3. Các nội dung chi khác thực hiện theo quy định tại Thông tư số 69/2021/TT-BTC ngày 11 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi áp dụng đối với giáo dục phổ thông.

4. Các nội dung chi và mức chi này được thực hiện cho những ngày thực tế làm việc trong thời gian chính thức tổ chức các nhiệm vụ quy định tại khoản 1 Điều 1 Nghị quyết này. Trường hợp một người làm nhiều nhiệm vụ khác nhau trong một ngày thì chỉ hưởng một mức thù lao cao nhất.

## **Điều 3. Nguồn kinh phí thực hiện**

1. Nguồn ngân sách địa phương (nguồn chi sự nghiệp giáo dục và đào tạo) theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước.

2. Nguồn tài trợ, hỗ trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước; các nguồn vốn xã hội hóa, nguồn vốn huy động hợp pháp, nguồn thu khác theo quy định của pháp luật.

## **Điều 4. Tổ chức thực hiện**

1. Thời gian thực hiện từ: ngày 01 tháng 6 năm 2022.

2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ nhiệm vụ, quyền hạn triển khai thực hiện Nghị quyết theo quy định pháp luật.

3. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

4. Khi các văn bản quy định về chế độ, định mức chi dẫn chiếu để áp dụng trong Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Thuận Khóa XI Kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 20 tháng 7 năm 2022 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 8 năm 2022.

Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 21/2019/NQ-HĐND ngày 16 tháng 6 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định nội dung, mức chi thực hiện xây dựng ngân hàng câu trắc nghiệm, tổ chức các kỳ thi phổ thông trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận./.

**CHỦ TỊCH**

**Phạm Văn Hậu**

**PHỤ LỤC I**

**Mức chi tiền công cho các chức danh là thành viên thực hiện các nhiệm vụ thi**  
*(Kèm theo Nghị quyết số 09/2022/NQ-HĐND ngày 22 tháng 7 năm 2022  
của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Thuận)*

*Đơn vị tính: 1.000 đồng*

| STT      | Nội dung chi                                                                                                                                                                           | Đơn vị tính | Mức chi |
|----------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|---------|
| <b>I</b> | <b>Mức chi thực hiện nhiệm vụ tổ chức các kỳ thi cấp quốc gia do Bộ Giáo dục và Đào tạo ra đề (thi chọn học sinh giỏi Quốc gia, tốt nghiệp trung học phổ thông và các kỳ thi khác)</b> |             |         |
| <b>1</b> | <b>Ban chỉ đạo cấp tỉnh</b>                                                                                                                                                            |             |         |
|          | - Trưởng ban                                                                                                                                                                           | Người/ngày  | 420     |
|          | - Phó trưởng ban                                                                                                                                                                       | Người/ngày  | 380     |
|          | - Ủy viên, thư ký                                                                                                                                                                      | Người/ngày  | 340     |
| <b>2</b> | <b>Hội đồng thi</b>                                                                                                                                                                    |             |         |
|          | - Chủ tịch                                                                                                                                                                             | Người/ngày  | 420     |
|          | - Các Phó Chủ tịch                                                                                                                                                                     | Người/ngày  | 380     |
|          | - Ủy viên                                                                                                                                                                              | Người/ngày  | 340     |
| <b>3</b> | <b>Hội đồng/Ban in sao đề thi tốt nghiệp trung học phổ thông</b>                                                                                                                       |             |         |
|          | - Chủ tịch Hội đồng/Trưởng ban                                                                                                                                                         | Người/ngày  | 360     |
|          | - Các Phó Chủ tịch/Phó Trưởng ban                                                                                                                                                      | Người/ngày  | 310     |
|          | - Ủy viên, thư ký, công an, bảo vệ vòng trong (làm việc cách ly)                                                                                                                       | Người/ngày  | 250     |
|          | - Nhân viên phục vụ, công an, bảo vệ vòng ngoài                                                                                                                                        | Người/ngày  | 140     |
| <b>4</b> | <b>Ban thư ký Hội đồng thi tốt nghiệp trung học phổ thông</b>                                                                                                                          |             |         |
|          | - Trưởng ban                                                                                                                                                                           | Người/ngày  | 360     |
|          | - Phó Trưởng ban thường trực                                                                                                                                                           | Người/ngày  | 300     |
|          | - Các Phó Trưởng ban khác                                                                                                                                                              | Người/ngày  | 275     |
|          | - Ủy viên                                                                                                                                                                              | Người/ngày  | 250     |
| <b>5</b> | <b>Ban vận chuyển và bàn giao đề thi</b>                                                                                                                                               |             |         |
|          | - Trưởng ban/Tổ trưởng                                                                                                                                                                 | Người/ngày  | 360     |
|          | - Các Phó Trưởng ban/Tổ phó                                                                                                                                                            | Người/ngày  | 300     |
|          | - Ủy viên/thành viên                                                                                                                                                                   | Người/ngày  | 250     |
| <b>6</b> | <b>Hội đồng/Ban coi thi</b>                                                                                                                                                            |             |         |
|          | - Chủ tịch Hội đồng/Trưởng ban                                                                                                                                                         | Người/ngày  | 360     |

|           |                                                                                                                                                                                                                |            |     |
|-----------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|-----|
|           | - Phó Chủ tịch Hội đồng/Phó Trưởng ban                                                                                                                                                                         | Người/ngày | 300 |
|           | - Trưởng điểm thi                                                                                                                                                                                              | Người/ngày | 300 |
|           | - Phó Trưởng điểm thi                                                                                                                                                                                          | Người/ngày | 280 |
|           | - Ủy viên, thư ký (Hội đồng/ban coi thi, điểm thi), giám thị/cán bộ coi thi, cán bộ giám sát                                                                                                                   | Người/ngày | 250 |
|           | - Trật tự viên (công an, kiểm soát viên quân sự)                                                                                                                                                               | Người/ngày | 140 |
|           | - Nhân viên phục vụ, y tế, bảo vệ                                                                                                                                                                              | Người/ngày | 140 |
| <b>7</b>  | <b>Ban làm phách</b>                                                                                                                                                                                           |            |     |
|           | - Trưởng ban                                                                                                                                                                                                   | Người/ngày | 360 |
|           | - Phó Trưởng ban thường trực                                                                                                                                                                                   | Người/ngày | 300 |
|           | - Các Phó Trưởng ban khác                                                                                                                                                                                      | Người/ngày | 275 |
|           | - Ủy viên, thư ký, bảo vệ làm việc cách ly (vòng trong).                                                                                                                                                       | Người/ngày | 240 |
|           | - Nhân viên phục vụ, y tế, bảo vệ vòng ngoài                                                                                                                                                                   | Người/ngày | 140 |
| <b>8</b>  | <b>Tổ chức chấm thi</b>                                                                                                                                                                                        |            |     |
| <b>a</b>  | <b>Tiền công chấm chi</b>                                                                                                                                                                                      |            |     |
|           | - Chấm bài thi tự luận                                                                                                                                                                                         | Người/ngày | 360 |
|           | - Tổ trưởng/Tổ phó chấm thi (ngoài tiền chấm thi)                                                                                                                                                              | Người/ngày | 300 |
|           | - Chấm bài thi trắc nghiệm, chi cho cán bộ thuộc tổ xử lý chấm bài thi trắc nghiệm                                                                                                                             | Người/ngày | 360 |
| <b>b</b>  | <b>Hội đồng/Ban chấm thi, Hội đồng/Ban phúc khảo, thẩm định</b>                                                                                                                                                |            |     |
|           | - Chủ tịch hội đồng/Trưởng ban                                                                                                                                                                                 | Người/ngày | 360 |
|           | - Phó Chủ tịch thường trực/Phó Trưởng ban trực                                                                                                                                                                 | Người/ngày | 330 |
|           | - Các Phó Chủ tịch/Phó Trưởng ban                                                                                                                                                                              | Người/ngày | 300 |
|           | - Ủy viên, thư ký, kỹ thuật viên                                                                                                                                                                               | Người/ngày | 250 |
|           | - Nhân viên phục vụ, bảo vệ, y tế                                                                                                                                                                              | Người/ngày | 140 |
|           | - Chi cho các cán bộ chấm phúc khảo bài thi tốt nghiệp                                                                                                                                                         | Người/ngày | 190 |
|           | - Chi cho các cán bộ chấm thẩm định bài thi tốt nghiệp                                                                                                                                                         | Người/ngày | 190 |
| <b>9</b>  | <b>Các nhiệm vụ khác có liên quan</b>                                                                                                                                                                          |            |     |
|           | Chỉ cho công tác thanh tra, kiểm tra trước, trong và sau khi thi (chỉ áp dụng đối với cán bộ làm công tác thanh tra kiêm nhiệm)                                                                                |            |     |
|           | - Trưởng đoàn                                                                                                                                                                                                  | Người/ngày | 360 |
|           | - Thành viên                                                                                                                                                                                                   | Người/ngày | 250 |
|           | - Thanh tra viên độc lập                                                                                                                                                                                       | Người/ngày | 300 |
| <b>II</b> | <b>Mức chi bồi dưỡng công tác ra đề, sao in đề, coi thi, chấm thi, thanh tra và tổ chức các kỳ thi học sinh giỏi, tuyển sinh lớp 10 trung học phổ thông và các kỳ thi khác do Sở Giáo dục và Đào tạo ra đề</b> |            |     |

|          |                                                                                                               |            |     |
|----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|-----|
| <b>1</b> | <b>Ra đề thi</b>                                                                                              |            |     |
| <b>a</b> | <b>Tiền công ra đề thi</b>                                                                                    |            |     |
|          | - Hội đồng/Ban xây dựng và phê duyệt ma trận đề thi và bản đặc tả đề thi                                      |            |     |
|          | + Chủ tịch/Trưởng ban                                                                                         | Người/ngày | 300 |
|          | + Phó Chủ tịch/ Phó Trưởng ban                                                                                | Người/ngày | 250 |
|          | + Ủy viên, thư ký                                                                                             | Người/ngày | 210 |
|          | + Nhân viên phục vụ, bảo vệ vòng ngoài                                                                        | Người/ngày | 115 |
|          | - Tiền công ra đề đề xuất đối với đề thi tự luận (chỉ áp dụng cho các môn thi không có ngân hàng câu hỏi thi) |            |     |
|          | + Thi chọn học sinh giỏi cấp trung học cơ sở                                                                  | Đề         | 730 |
|          | + Thi chọn học sinh giỏi cấp trung học phổ thông                                                              | Đề         | 730 |
|          | + Thi chọn đội tuyển tham dự kỳ thi chọn HSG quốc gia                                                         | Đề         | 730 |
|          | + Thi tuyển sinh lớp 10                                                                                       | Đề         | 370 |
|          | - Tiền công ra đề thi chính thức và dự bị:                                                                    |            |     |
|          | + Thi chọn học sinh giỏi cấp trung học cơ sở                                                                  | Người/ngày | 670 |
|          | + Thi chọn học sinh giỏi cấp trung học phổ thông                                                              | Người/ngày | 670 |
|          | + Thi chọn đội tuyển tham dự kỳ thi chọn HSG quốc gia                                                         | Người/ngày | 670 |
|          | + Thi tuyển sinh lớp 10                                                                                       | Người/ngày | 450 |
| <b>b</b> | <b>Tiền công xây dựng ngân hàng câu hỏi thi trắc nghiệm</b>                                                   |            |     |
|          | - Tiền công xây dựng, phê duyệt ma trận và bản đặc tả đề thi                                                  |            |     |
|          | + Chủ tịch Hội đồng/Trưởng ban                                                                                | Người/ngày | 290 |
|          | + Phó Chủ tịch Hội đồng/Phó Trưởng ban                                                                        | Người/ngày | 250 |
|          | + Các thành viên                                                                                              | Người/ngày | 200 |
|          | + Nhân viên phục vụ, bảo vệ                                                                                   | Người/ngày | 110 |
|          | - Tiền công soạn thảo, chuẩn hóa câu hỏi                                                                      |            |     |
|          | + Soạn thảo câu hỏi thô                                                                                       | Câu        | 42  |
|          | + Rà soát, chọn lọc, thẩm định và biên tập câu hỏi                                                            | Câu        | 36  |
|          | + Chỉnh sửa câu hỏi sau thử nghiệm                                                                            | Câu        | 30  |
|          | + Chỉnh sửa lại các câu hỏi sau khi thử nghiệm đề thi                                                         | Câu        | 21  |
|          | + Rà soát lựa chọn và nhập câu hỏi vào ngân hàng câu hỏi thi theo hướng chuẩn hóa                             | Câu        | 6   |
|          | - Tiền công thuê chuyên gia định cỡ câu trắc nghiệm                                                           |            |     |
|          | + Chủ tịch Hội đồng/Trưởng ban                                                                                | Người/ngày | 290 |

|          |                                                                 |            |     |
|----------|-----------------------------------------------------------------|------------|-----|
|          | + Phó Chủ tịch Hội đồng/Phó Trưởng ban                          | Người/ngày | 250 |
|          | + Các thành viên                                                | Người/ngày | 200 |
| <b>c</b> | <b>Hội đồng/Ban ra đề, sao in đề thi</b>                        |            |     |
|          | - Chủ tịch hội đồng/Trưởng ban                                  | Người/ngày | 350 |
|          | - Phó Chủ tịch thường trực/Phó Trưởng ban thường trực           | Người/ngày | 315 |
|          | - Các Phó Chủ tịch/Phó Trưởng ban                               | Người/ngày | 280 |
|          | - Ủy viên, thư ký, bảo vệ vòng trong                            | Người/ngày | 230 |
|          | - Nhân viên phục vụ, bảo vệ vòng ngoài                          | Người/ngày | 115 |
| <b>2</b> | <b>Hội đồng/Ban coi thi</b>                                     |            |     |
|          | - Chủ tịch hội đồng/Trưởng ban                                  | Người/ngày | 265 |
|          | - Phó Chủ tịch hội đồng/Phó Trưởng ban                          | Người/ngày | 250 |
|          | - Trưởng điểm thi                                               | Người/ngày | 240 |
|          | - Phó Trưởng điểm thi                                           | Người/ngày | 230 |
|          | - Ủy viên, thư ký, giám thị/cán bộ coi thi, cán bộ giám sát     | Người/ngày | 210 |
|          | - Nhân viên phục vụ, y tế, công an, bảo vệ                      | Người/ngày | 100 |
| <b>3</b> | <b>Tổ chức chấm thi</b>                                         |            |     |
| <b>a</b> | <b>Tiền công chấm bài tự luận</b>                               |            |     |
|          | - Thi chọn học sinh giỏi cấp trung học cơ sở                    | Người/ngày | 480 |
|          | - Thi chọn học sinh giỏi cấp trung học phổ thông                | Người/ngày | 600 |
|          | - Thi chọn đội tuyển tham dự kỳ thi chọn HSG quốc gia           | Người/ngày | 750 |
|          | - Thi tuyển sinh lớp 10                                         | Người/ngày | 290 |
|          | - Thi tuyển sinh lớp 10 (môn chuyên)                            | Người/ngày | 600 |
| <b>b</b> | <b>Chấm bài thi trắc nghiệm</b>                                 |            |     |
|          | - Chi cho cán bộ thuộc Tổ/Ban xử lý bài thi trắc nghiệm         | Người/ngày | 350 |
| <b>c</b> | <b>Hội đồng/Ban chấm thi, Hội đồng/Ban phúc khảo, thẩm định</b> |            |     |
|          | - Chủ tịch hội đồng/Trưởng ban                                  | Người/ngày | 300 |
|          | - Các Phó Chủ tịch thường trực/Phó Trưởng ban thường trực       | Người/ngày | 275 |
|          | - Các Phó Chủ tịch/Phó Trưởng ban                               | Người/ngày | 250 |
|          | - Ủy viên, thư ký, kỹ thuật viên                                | Người/ngày | 210 |
|          | - Nhân viên phục vụ, công an, bảo vệ                            | Người/ngày | 115 |
|          | - Chi cho cán bộ chấm phúc khảo bài thi tuyển sinh lớp 10       | Người/ngày | 160 |
|          | - Chi cho cán bộ chấm phúc khảo bài thi học sinh giỏi           | Người/ngày | 250 |

|            |                                                                                                                                                                       |                   |                                                                                     |
|------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>4</b>   | <b>Các nhiệm vụ khác có liên quan: Chi cho công tác thanh tra, kiểm tra trước, trong và sau kỳ thi (chỉ áp dụng đối với cán bộ làm công tác thanh tra kiêm nhiệm)</b> |                   |                                                                                     |
|            | - Trưởng đoàn                                                                                                                                                         | Người/ngày        | 300                                                                                 |
|            | - Thành viên                                                                                                                                                          | Người/ngày        | 210                                                                                 |
|            | - Thanh tra viên độc lập                                                                                                                                              | Người/ngày        | 250                                                                                 |
| <b>III</b> | <b>Quản lý đề thi, bài thi, văn phòng phẩm, thiết bị, nước uống, tiền ăn, ... cho các Hội đồng/Ban</b>                                                                |                   |                                                                                     |
|            | - Quản lý đề thi, bài thi cấp tỉnh                                                                                                                                    | Người/ngày<br>đêm | 120                                                                                 |
|            | - Quản lý đề thi, bài thi tại các hội đồng coi thi                                                                                                                    | Người/ngày<br>đêm | 100                                                                                 |
|            | - Bảo vệ                                                                                                                                                              | Người/ngày<br>đêm | 100                                                                                 |
|            | - Văn phòng phẩm                                                                                                                                                      | Chi theo thực tế  |                                                                                     |
|            | - Thuê, mua máy móc thiếu bị, dụng cụ thí nghiệm, nguyên vật liệu, hóa chất, mẫu vật thực hành, thuê gia công chi tiết thí nghiệm... (nếu có)                         | Chi theo thực tế  |                                                                                     |
|            | - Nước uống                                                                                                                                                           | Người/ngày        | 10                                                                                  |
|            | - Tiền ăn cho cán bộ cách ly 100% các Hội đồng/Ban ra đề, in sao đề thi, làm phách.                                                                                   | Người/ngày        | Thực hiện theo quy định Nghị quyết số 49/2017/NQ-HĐND ngày 11/12/2017 của HĐND tỉnh |

**PHỤ LỤC II**

**Quy định nội dung và mức chi đối với các hội thi, cuộc thi  
trong ngành Giáo dục và Đào tạo tỉnh Ninh Thuận**  
(Kèm theo Nghị quyết số 09/2022/NQ-HĐND ngày 22 tháng 7 năm 2022  
của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Thuận)

*Đơn vị tính: 1.000 đồng*

| STT       | Nội dung chi                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Đơn vị tính | Mức chi                                                                                         |
|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>I</b>  | <b>Các Hội thi, Cuộc thi khác theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo, kế hoạch của Sở Giáo dục và Đào tạo như: Hội thi giáo viên dạy giỏi, Khoa học kỹ thuật, Sáng kiến kinh nghiệm và Nghiên cứu ứng dụng, ngày hội STEM, thi giáo viên làm tổng phụ trách Đội, thi giáo viên làm chủ nhiệm lớp, Thi giải toán trên máy tính cầm tay, thi Olympic tiếng Anh trên Internet, thi làm đồ dùng dạy học, thi viết vở sạch chữ đẹp và các hội thi, cuộc thi khác.</b> |             |                                                                                                 |
| 1         | Nước uống                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | người/ngày  | 10                                                                                              |
| 2         | Tiền công xây dựng và phê duyệt ma trận đề thi và bản đặc tả đề thi                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | người/ngày  | 540                                                                                             |
| 3         | Chi ra đề thi (Bộ đề - đáp án)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | người/ngày  | 540                                                                                             |
| 4         | Văn phòng phẩm, trang trí, thuê hội trường                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |             | Chi theo thực tế                                                                                |
| 5         | Trưởng ban                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | người/ngày  | 240                                                                                             |
| 6         | Phó Trưởng ban                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | người/ngày  | 200                                                                                             |
| 7         | Ủy viên, thư ký, kỹ thuật viên, giám sát                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | người/ngày  | 170                                                                                             |
| 8         | Nhân viên phục vụ, y tế, công an, bảo vệ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | người/ngày  | 90                                                                                              |
| 9         | Chi bồi dưỡng cho giáo viên dự thi thực hiện tiết thao giảng (giảng mẫu hoặc dự thi); trình bày bài thuyết trình hoặc bài báo cáo, ...                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | người/ngày  | 170                                                                                             |
| 10        | Chi bồi dưỡng chấm bài                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | người/ngày  | 480                                                                                             |
| 11        | Chi phí đi lại, ở của Ban tổ chức các cuộc thi                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |             | Thực hiện theo quy định Nghị quyết số 49/2017/NQ-HĐND ngày 11/12/2017 của HĐND tỉnh             |
| 12        | Thời gian tổ chức hội thi, cuộc thi                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |             | Tối đa 07 ngày/01 hội thi, cuộc thi. Riêng Hội thi giáo viên dạy giỏi tối đa không quá 10 ngày. |
| <b>II</b> | <b>Chi hỗ trợ chi phí ăn, ở cho học sinh tham gia các hội thi, cuộc thi cấp tỉnh và cấp quốc gia.</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |             |                                                                                                 |
| 1         | Tiền ăn, tiền thuê phòng nghỉ, chi phí đi lại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | người/ngày  | Thực hiện theo quy định Nghị quyết số 49/2017/NQ-HĐND ngày 11/12/2017 của HĐND tỉnh             |